TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01386

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : ST vùng cửa sông và ven biển (206111) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 06/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD404 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10336002	TRẦN THỊ TRÚC	ANH	CD10CS			9.0	7.0	4.5	5.9	5	9
2	10336003	NGUYỄN CÔNG	CẢM	CD10CS			5.0	8.0	4.4	5.2	5	2
3	10336068	NGUYỄN VŨ MỸ	CHI	CD10CS			7.5	7.5	3.5	5.1	5	1
4	10336036	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	CD10CS			8.0	7.0	4.3	5.6	5	6
5	10336043	PHẠM VĂN	DƯƠNG	CD10CS			7.0	8.5	7.6	7.7	7	7
6	10336122	LÊ THÀNH	ĐA	CD10CS			5.0	8.0	9.3	8.2	8	2
7	10336150	VÕ VĂN	ĐẠO	CD10CS			8.0	8.5	9.3	8.9	8	9
8	10336123	NGUYỄN THANH	ĐẠT	CD10CS			0.0	8.0	8.0	6.4	6	4
~~9~~	~~07336047~~	~~PHẠM TẤN~~	~~ĐẠT~~	~~CD08CS~~								
~~10~~	~~10336124~~	~~LÊ THỊ~~	~~ĐỎ~~	~~CD10CS~~								
11	10336057	NGUYỄN XUÂN	HOẠT	CD10CS			8.0	7.0	7.9	7.7	7	7
12	10336059	KIỀU VĂN	HỚI	CD10CS			7.5	8.0	8.4	8.1	8	1
13	10116167	BÁ THỊ	HUỆ	DH10NT			7.0	8.0	8.1	7.9	7	9
~~14~~	~~07336099~~	~~HUỲNH THANH~~	~~HÙNG~~	~~CD08CS~~								
15	09116057	TỪ CÔNG	HÙNG	DH09NT			6.0	8.0	7.2	7.1	7	1
16	10336061	TRƯƠNG ĐÌNH	HUY	CD10CS			7.5	8.5	7.7	7.8	7	8
17	10336146	TRỊNH BỈNH	KHUÊ	CD10CS			8.0	8.0	6.9	7.3	7	3
18	10336029	HOÀNG THỊ	LIỄU	CD10CS			8.0	7.5	7.5	7.6	7	6

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Phúc Thường

Võ Thanh Liễu

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Minh Đức

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. V. Trai

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01386

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : ST vùng cửa sông và ven biển (206111) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 06/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD404 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20 %)	Đ2 (20 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10336015	MAI THỊ	MỪNG	CD10CS			9.0	7.0	9.0	8.6	8	6
20	10336012	THÔI NHẤT	NAM	CD10CS			6.5	7.5	7.9	7.5	7	5
21	10336006	HUỲNH THANH	NHÀN	CD10CS			8.0	7.0	8.8	8.3	8	3
22	10336131	TRẦN MỘNG	NHẤT	CD10CS			6.0	7.0	3.8	4.9	4	9
23	10336086	LÊ MINH	NHẬT	CD10CS			6.0	8.5	7.0	7.1	7	1
24	10336046	HUỲNH NỮ HỒNG	PHÁT	CD10CS			7.5	7.5	8.0	7.8	7	8
25	10336087	LÊ MINH	PHÁT	CD10CS			7.0	7.5	6.6	6.9	6	9
26	10336149	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	CD10CS			7.0	8.0	7.9	7.7	7	7
27	10336091	TRẦN VĂN	QUÝ	CD10CS			5.0	7.0	7.9	7.1	7	1

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Phúc Thường

Võ Thanh Liêm

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Nguyễn Minh Đức

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. V. Tsai

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01387

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : ST vùng cửa sông và ven biển (206111) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 06/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD501 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10336133	TÔ THỊ TRANG	QUYÊN	CD10CS			7.0	7.0	7.3	7.2	7	2
2	10336090	BÙI THỊ KIM	QUYẾN	CD10CS			7.0	7.0	5.1	5.9	5	9
3	09116129	BÙI DƯƠNG ĐỨC	SANG	DH09NT			6.0	7.0	8.4	7.6	7	6
4	10336060	NGUYỄN THỊ KIM	SINH	CD10CS			2.0	7.5	7.2	6.2	6	2
5	09141101	LƯƠNG CÔNG MINH	TÀI	CD10CS			8.0	7.0	4.9	5.9	5	9
6	10171043	TRẦN THỊ THANH	TÂM	DH10KS			7.0	8.0	7.6	7.6	7	6
7	10336020	VÕ THANH	TÂM	CD10CS			6.5	8.0	9.2	8.5	8	5
8	10336136	NGUYỄN QUỐC	TẤN	CD10CS			4.0	8.0	2.6	4.0	4	0
9	10336082	NGUYỄN ANH	THOẠI	CD10CS			7.5	8.0	5.9	6.6	6	6
10	10336101	NGUYỄN ĐÌNH	THUẬN	CD10CS			8.0	8.5	6.6	7.3	7	3
11	09116160	TRẦN VĂN	THƯƠNG	DH09NT			8.0	7.0	7.5	7.5	7	5
12	09141114	PHẠM MINH	TIẾN	CD10CS			7.5	7.0	5.3	6.1	6	1
13	08169275	TRẦN NGỌC	TÍN	CD08CS			0.0	8.0	8.2	6.5	6	5
14	10336001	ĐẶNG THỊ THÙY	TRÂM	CD10CS			9.0	7.0	7.7	7.8	7	8
15	10336027	BÙI ĐỨC	TRÍ	CD10CS			5.0	7.0	5.1	5.5	5	5
16	10336108	PHAN THỊ DIỄM	TRINH	CD10CS			6.5	7.0	8.2	7.6	7	6
17	10336139	NGUYỄN TẤN	TRƯỜNG	CD10CS			8.0	8.5	8.1	8.2	8	2
18	10336054	LÊ NGỌC	TÚ	CD10CS			3.0	8.0	7.2	6.5	6	5

Số bài: 20 ; Số tờ: 20

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Văn Hữu Nhật

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Minh Đức

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. V. Trai

Ngày 20 tháng 11 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01387

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : ST vùng cửa sông và ven biển (206111) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 06/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD501 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10336140	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	CD10CS							10	
20	10336110	NGUYỄN VĂN	TUYỀN	CD10CS			5.0	7.0	4.9	5.3	5	3
21	10336115	HỨA KIỀU NỮ YẾN	XUÂN	CD10CS			7.0	8.0	6.4	6.8	6	8

Số bài: 20 ; Số tờ: 20

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

V.C. Long

Văn Hữu Nhật

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Minh Đức

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. V. Trai

Ngày 20 tháng 11 năm 2011